TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 16/2019/DS-GĐT
Ngày 06/3/2019
V/v *Tranh chấp di sản thừa kế*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm 12 (mười hai) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Văn Bường – Phó chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng làm Chủ tọa phiên tòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp di sản thừa kế*", giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H , sinh năm 1950;

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Tr , sinh năm 1961 và ông Huỳnh Thanh L , sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: thôn A , xã T , thành phố Q , tỉnh Quảng ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2017, khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 85, tờ bản số 31, diện tích 102m^2, trên đất có ngôi nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 1973 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31, diện tích 70m^2 đều ở xã T , huyện S (nay thuộc thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi là của cha mẹ bà H là cụ T và cụ Tô Thị N tạo lập. Hai cụ có 03 người con là bà H , ông Trần G (chết năm 1969, không có vợ con) và bà Trần Thị Tr . Năm 1992 cụ T chết, năm 2011 cụ Tô Thị N chết, hai cụ đều không để lại di chúc. Toàn bộ di sản đều do vợ chồng bà Tr , ông Huỳnh Thanh L quản lý, sử dụng. Quá trình sử

dụng bà Tr có sửa chữa lại một phần ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 85. Năm 2014, bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của cụ B (do cụ B chết năm 1992, theo Bộ luật dân sự năm 2005 thời hiệu chia di sản của cụ B đã hết, nguyên đơn rút đơn yêu cầu khởi kiện). Đối với di sản của cụ N , Tòa án giải quyết: giao phần đất phía Nam của thửa 85, tờ bản đồ số 31, diện tích 51m^2, trên đất có ngôi nhà diện tích 31,6m^2 cho bà Tr quản lý, sử dụng; giao phần phía Nam của thửa 86, tờ bản đồ số 31, diện tích 35,1m^2 cho bà H quản lý, sử dụng. Đến khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ B (chết năm 1992) vẫn còn nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ B làm 2 phần cụ thể:

+ Giao phần còn lại của ngôi nhà diện tích 31,2m^2 trên diện tích 51m^2 đất phía Bắc thửa số 85, tờ bản đồ số 31 cho bà Tr quản lý, sử dụng; bà H không yêu cầu bà Tr thanh toán lại phần giá trị chênh lệch đất và nhà.

+ Giao phần đất còn lại thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31, diện tích 35m^2 cho bà H quản lý, sử dụng; trên đất có chuồng bò và một bức tường xây gạch do vợ chồng bà Tr xây dựng; bà H hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho bà Tr , ông L . Bà H sẽ chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản 8.500.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị Tr trình bày:

Bà Trần Thị Tr nhất trí chia di sản của cụ B , nhưng không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn về việc chia hiện vật, bà Tr yêu cầu được nhận toàn bộ phần di sản còn lại tại thửa đất số 85, 86, tờ bản đồ số 31 bằng hiện vật để gia đình bà Tr thuận tiện trong việc sinh hoạt, làm nghề nông và thanh toán giá trị di sản cho bà H , đồng thời bà Tr sẽ hỗ trợ cho bà H 100.000.000 đồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017, Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 5 Điều 147, Điều 150, Điều 157, khoản 2 Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 1 Điều 611, Điều 612, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV.QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án, phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về tài sản là di sản:

- Xác định: 31,2m^2 nhà cấp IVC nằm trên 51m^2 đất ở phía Bắc thửa đất

85 và 35m^2 đất thuộc thửa số 86, đều thuộc tờ bản đồ số 31 xã T hiện bà Trần Thị Tr , ông Huỳnh Thanh L đang quản lý, sử dụng là di sản của cụ T lưu hạ.

- Xác định: Một chuồng bò kết cấu móng đá, trụ bê tông cốt thép, lái lợp tol, xà gồ gỗ, nền tráng xi măng, diện tích 11m^2; một đoạn xây dựng gạch diện tích 2,3m^2 (cao 1,12m; dài 2,06m) nằm trên thửa đất số 86 tờ bản đồ số 31 xã T và một phần giá trị nhà sửa chữa (tính thành tiền 6.455.280đ) trong 31,2m^2 nhà cấp IVC nằm trên 51m^2 đất ở phía Bắc thửa đất số 85 là tài sản của ông Huỳnh Thanh L , bà Trần Thị Tr .

2/ Xác định hàng thừa kế thứ nhất hưởng di sản của cụ T theo pháp luật gồm có bà Trần Thị H và bà Trần Thị Tr .

- Di sản của cụ T được chia theo quy định pháp luật bằng hiện vật, cụ thể chia như sau:

+ Giao 51m^2 đất ở phía Bắc thửa số 85 tờ bản đồ số 31 xã T , thành phố Q cho bà Trần Thị Tr được quản lý, sử dụng. Phần đất giao có giới cận và số đo từng cạnh như sau: Phía Đông giáp sân, ngõ đi vào nhà ông Trần Quá, tính từ điểm số 2 đến số 3 và điểm số 4 đến 5 tổng hai cạnh dài 5,15m; phía Tây thửa đất số 83 của ông Trần Quá tính từ điểm số 1 đến số 8 cạnh dài 4.81m; Phía Nam giáp nhà và thửa 85, tính từ điểm số 5 đến số 8 cạnh dài 11,71m; phía Bắc giáp nhà và đất của ông Trần Quá mang thửa số 84, tính từ điểm số 1 đến 2 và điểm 3 đến 4 tổng 2 cạnh dài 11,7m. Trên phần đất giao cho bà Tr có phần còn lại của ngôi nhà cấp IVC diện tích 31,2m^2. Nhà gắn liền với 51m^2 đất giao cho bà Tr có tổng giá trị 56.282.280đ.

+ Giao cho bà Trần Thị H nhận 35m^2 đất thửa 86, tờ bản đồ số 31 xã T có giới cận như sau: Phía Đông giáp đường đi liên xóm, tính từ điểm số 2 đến 3 cạnh dài 3,4m; phía Tây giáp thửa đất số 84 của ông Trần Quá tính từ điểm số 1 đến số 6 cạnh dài 3,51m; Phía Nam giáp thửa 153 của bà Trần Thị H , tính từ điểm số 3 đến số 6 cạnh dài 10,16m; phía Bắc giáp thửa số 58 của bà Phạm Thị Mùa, tính từ điểm số 1 đến 2 cạnh dài 10,41m; phần đất 35m^2 giao cho bà H trị giá 34,195.000đ. Trên 35m^2 đất giao cho bà H có chuồng bò diện tích 11m^2 và một đoạn tường xây gạch diện tích 2,3m^2 giao cho bà H nhận sở hữu, nhưng bà H phải hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho chủ sở hữu là vợ chồng ông L , bà Tr với số tiền 5.910.520đ.

(Phần di sản giao cho bà Trần Thị H , Trần Thị Tr có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

+ Đối với phần sửa chữa nhà trị giá 6.455.280đ, ông L , bà Tr tiếp tục sở hữu cùng với phần di sản nhà đã giao cho bà Tr nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần sửa chữa.

- Phần di sản bà Tr nhận lớn hơn ½ (45.238.640đ) trị giá di sản của cù Bì, nhưng bà H không yêu cầu bà Tr thối trả lại giá trị chênh lệch là 11.043.640đ (56.282.280đ – 34.195.000đ = 22.087.280đ/2), nên Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện này.

Các bà Trần Thị H , Trần Thị Tr có trách nhiệm đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/11/2017, bà Trần Thị Tr kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên với lý do: Bà xin được nhận bằng hiện vật và hỗ trợ cho bà H số tiền 100.000.000 đồng.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 27/2018/DS-PT ngày 27/02/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 1 Điều 611, Điều 612, Điều 623, 649, 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Tr .

- Giữ nguyên bản án dân sự dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc chia di sản thừa kế của cụ T để lại theo pháp luật.

- Chia cho bà Trần Thị Tr trọn quyền sở hữu, sử dụng một phần ngôi nhà cấp IVC diện tích 31,2m^2 gắn liền với 51m^2 đất ở phía Bắc thửa đất số 85 tờ bản đồ số 31 xã T , thành phố Q , tỉnh Quảng Ngãi phần đất này có giới cận như sau:

+ Phía Đông có 02 đoạn, đoạn 1 dài 1.17m giáp với thửa đất số 84 và đoạn 02 dài 3.98m giáp đường đất;

+ Phía Tây dài 4.81m giáp thửa đất số 83;

+ Phía nam dài 11.71m, giáp nhà và phần đất còn lại của thửa số 85 (đã được chia cho bà Trần Thị Tr theo bản án số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi);

+ Phía Bắc có 02 đoạn, đoạn 01 dài 5.49m và đoạn 02 dài 6.21m, giáp thửa đất số 84;

Tổng giá trị phần di sản bà Trần Thị Tr nhận bằng hiện vật là 56.282.280 đồng.

- Chia cho bà Trần Thị H trọn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31 xã T , diện tích 35m^2 và giao cho bà H trọn quyền sở hữu chuồng bò diện tích 11m^2 và một đoạn tường xây gạch diện tích 2,3m^2 gắn liền trên diện tích đất được chia, có giới cận như sau:

+ Phía Đông dài 3.4m giáp đường đất;

+ Phía Tây dài 3.51m giáp thửa đất số 84;

+ Phía Nam dài 10.16m giáp thửa đất số 153;

+ Phía Bắc dài 10.41m giáp thửa đất số 58;

Giá trị phần tài sản của bà H được chia là 34.195.000 đồng

(Phần di sản chia cho bà Trần Thị H , bà Trần Thị Tr có sơ đồ kèm theo bản án là một bộ phận không tách rời của bản án).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc thanh toán lại giá trị chuồng bò diện tích 11m^2 và một đoạn đường xây gạch diện tích 2,3m^2 cho bà Trần Thị Tr và ông Huỳnh Thanh L với tổng số tiền là 5.910.520 đồng

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc không buộc bà Trần Thị Tr thanh toán giá trị chênh lệch của phần di sản bà Tr được nhận cho bà H.

4. Bà Trần Thị H và bà Trần Thị Tr có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc chịu 8.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản. Bà H nộp tạm ứng đủ và đã chi phí xong.

Ngoài ra Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Ngày 30/7/2018, bà Trần Thị Tr có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên với lý do: ngôi nhà cấp 4 tọa lạc tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 31 là do vợ chồng bà Tr tôn tạo, sửa chữa nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm không xem xét công sức cho vợ chồng bà Tr là không đúng; đồng thời chia cho bà H thửa đất mặt tiền còn vợ chồng bà Tr thửa đất trong hẻm sâu là không phù hợp.

- Tại Quyết định kháng nghị số 113/2018/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 02/10/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 27/2018/DS-PT ngày 27/2/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2017/DS-ST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q , tỉnh Quảng Ngãi; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Q , tỉnh Quảng Ngãi giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguồn gốc thửa đất số 85, tờ bản số 31, diện tích 102m^2, trên đất có ngôi nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 1973 và thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31, diện tích 70m^2 đều ở xã T , huyện S (nay thuộc thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi là do vợ chồng cụ Trần Thị Bì và cụ Tô Thị N tạo lập. Hai cụ có 03 người con là bà Trần Thị H , ông Trần G (chết năm 1969, không có vợ con) và bà Trần Thị Tr . Năm 1992, cụ T Chết, năm 2011, cụ Tô Thị N chết, hai cụ đều không để lại di chúc. Toàn bộ di sản đều do vợ chồng bà Trần Thị Tr , ông Huỳnh Thanh L quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng bà Tr có sửa chữa lại một phần ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 85.

[2]. Năm 2014, bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 25/2015/DS-PT ngày 09/02/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của cụ B (do cụ B chết năm 1992, theo Bộ luật dân sự năm 2005 thời hiệu chia di sản của cụ B đã hết, nguyên đơn rút đơn yêu cầu khởi kiện). Đối với di sản của cụ N , Tòa án xử: giao phần đất phía Nam của thửa 85, tờ bản đồ số 31, diện tích 51m^2 trên đất có ngôi nhà diện tích 31,6m^2 cho bà Tr quản lý, sử dụng; giao phần phía Nam của thửa 86, tờ bản đồ số 31, diện tích 35,1m^2 cho bà Trần Thị H quản lý, sử dụng. Ngày 18/01/2016, Ủy ban nhân dân thành phố Q , tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên cho bà Trần Thị H . Đến khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của cụ B (chết năm 1992) vẫn còn nên bà H tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản của cụ B .

[3]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì di sản của cụ B sẽ được chia đều cho bà H và Tr. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình

thực tế sử dụng đất của bà Tr và để thuận tiện cho việc quản lý, sử dụng đất của hai Bà; Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm quyết định giao cho bà Tr được quyền quản lý, sử dụng diện tích 51m^2 đất còn lại của thửa số 85 tờ bản đồ số 31, bà H được quyền quản lý, sử dụng diện tích 35m^2 đất còn lại của thửa 86, tờ bản đồ số 31 và tài sản gắn liền với đất là một chuồng bò diện tích 11m^2, đoạn tường xây gạch diện tích 2,3m^2; bà H phải hoàn lại giá trị tài sản trên cho ông L , bà Tr số tiền 5.910.520 đồng là phù hợp.

Như vậy, tổng tài sản mà bà Tr được nhận từ việc chia di sản thừa kế của cụ B , cụ N là 102m^2 đất, tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4 thuộc thửa đất số 85, tờ bản đồ số 31; còn bà H được nhận diện tích 70m^2 đất, thửa đất số 86, tờ bản đồ số 31. Việc Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm phân chia di sản thừa kế như trên là phù hợp với thực tế sử dụng đất và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Theo Báo cáo kết quả định giá số 0881/2017/VLAND-QNG ngày 07/9/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá Đất Việt (bút lục 128-142) thì vợ chồng bà Tr , ông L sửa chữa, tôn tạo ngôi nhà với số tiền 6.455.280 đồng. Tuy nhiên, phần tài sản này được giao cho vợ chồng bà Tr , ông L tiếp tục quản lý, sử dụng nên Tòa án không xem xét đến công sức tôn tạo của vợ chồng bà Tr , ông L là có căn cứ.

[5]. Do bà Tr và bà H chỉ tranh chấp về chia di sản thừa kế của cụ B và cụ N nên ông Trần Q (có ngỏ đi giáp phía Đông của thửa đất số 85) không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến vụ án; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm không đưa ông Q vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở đúng pháp luật.

Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Kháng nghị giám đốc thẩm số 113/2018/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 02/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 337, khoản 1 Điều 343 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 113/2018/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 02/10/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 27/2018/DS-PT ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

2. Bản án dân sự phúc thẩm số 27/2018/DS-PT ngày 27/02/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:
- TAND Tp Q, tỉnh Quảng Ngãi (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (để biết);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp Q, tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Phòng GĐKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bường